

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2019/DSPT
Ngày 24 tháng 10 năm 2019
*Về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài
sản trên đất và yêu cầu hủy một phần giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải-Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Vũ Thị Thúy-Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2019/TLPT-DS ngày 04/4/2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 9718/2019/QĐ-PT ngày 09/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lộc Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lộc Thị T: NBV, (có mặt).

Bị đơn: Bà Nông Thị D, sinh năm 1963; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Đình H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền số 49/UQ-UBND ngày 31/5/2018), vắng mặt;

2. Hạt Kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Văn G - Kiểm lâm viên (Văn bản ủy quyền số 167/CV-KL ngày 02/8/2018), vắng mặt;

3. Anh Ngô Văn S, sinh năm 1987, (có mặt);

4. Chị Ngô Thị Hải Y, sinh năm 1989, (có mặt);

5. Anh Phan Duy H, sinh năm 1992, (có mặt);

6. Bà Vi Thị D1, sinh năm 1932, (vắng mặt);

Cùng trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Duy H là bà Nông Thị D; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (giấy ủy quyền ngày 06/3/2018);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vi Thị D1 là bà Lộc Thị T; cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018), có mặt;

Ông Nguyễn Văn H1; cư trú tại: Thôn L, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (vắng mặt);

Người làm chứng:

1. Bà La Thị P, sinh năm 1962, (có mặt);

2. Bà Linh Thị H, sinh năm 1955, (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn N, xã C, huyện L, Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lộc Thị T trình bày như sau:

Diện tích đất tranh chấp là 4.427,6m² thuộc một phần thửa 563, Tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã C, huyện L, thuộc khu đồi M do gia đình chồng bà quản lý từ năm 1958; khoảng năm 1958 mẹ chồng bà là bà Vi Thị D1 trồng một số cây sỡ (số cây sỡ này hiện là số cây trên đất tranh chấp); sau đó gia đình có tiến hành trồng một số cây thông và bạch đàn trên đất. Năm 2011, gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất này; khi được cấp do không có chuyên môn nên gia đình bà không biết đất của gia đình bị cấp thiếu; khi tiến hành đo đạc để cấp giấy chứng nhận này thì chỉ có trưởng thôn dẫn cán bộ tiến hành đo đạc còn gia đình không được đi theo; sau đó chồng bà là ông Ngô Văn N được trưởng thôn gọi lên nhà để ký giáp ranh đất; do chồng bà không biết chữ và cũng không biết gì nên đã ký vào biên bản. Năm 2016, gia đình bà thấy con trai bà D là anh Phan Duy H đi cạo nhựa thông của gia đình nên mới phát sinh tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện ban đầu bà yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp là 8.433m² thuộc thửa số 563, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính lâm nghiệp xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn) và các tài sản trên đất gồm có 50 cây sỡ và 50 cây thông; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BG 489159, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0889 cấp ngày 06/5/2011 cho hộ ông Phan Văn V chồng của bà Nông Thị D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2018 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/10/2018 bà Lộc Thị T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Đối một phần diện tích 2.746m² nằm trong thửa 497 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Lộc Thị T và một phần diện tích 964,6m² nằm trong thửa 557 của hộ ông Nguyễn Văn H1 do không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà Lộc Thị T xác định yêu cầu khởi kiện là khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với phần diện tích 4.427,6m² thuộc một phần thửa 563, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn V; yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BG 489159, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0889 cấp ngày 06 tháng 5 năm 2011 cho hộ ông Phan Văn V.

Đối với yêu cầu giải quyết tranh chấp tài sản trên đất, bà Lộc Thị T nhất trí với biên bản kiểm tra hiện trạng số lượng cây trên thửa đất tranh chấp do UBND xã C lập ngày 04/6/2018; cụ thể tài sản trên đất gồm: 22 cây thông; 12 cây bạch đàn và 23 cây sớ.

Bị đơn bà Nông Thị D trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất bà đang quản lý sử dụng hiện nay là của ông Phan Văn T và bà Ngô Thị M là bố mẹ chồng bà để lại cho gia đình bà. Năm 1958 bố mẹ chồng bà đã khai phá diện tích đất này để làm nương trồng sắn, lúa nương, khi đất cần bố mẹ chồng bà trồng trầu, đến khoảng năm 1963-1964 thì trồng sớ (số cây sớ này hiện vẫn còn trên diện tích đất tranh chấp). Năm 1991 chồng bà là ông Phan Văn V trồng bạch đàn; năm 1998 gia đình bà tiếp tục trồng thông. Năm 2008 chồng bà đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đến năm 2011 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình quản lý sử dụng đất do các con bà đi học xa, bà bận công tác nên gia đình chỉ trông giữ rừng để cây mọc tự nhiên không khai thác. Đến năm 2016, con trai bà là anh Phan Duy H đi học về, tiến hành khai thác nhựa thông bà Lộc Thị T ra tranh chấp và cho rằng đó là đất và cây của gia đình bà. Hiện bà T khởi kiện yêu cầu đòi quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp bà Nông Thị D không đồng ý, yêu cầu tiếp tục được quản lý sử dụng theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hạt Kiểm lâm huyện L có ý kiến: Hạt kiểm lâm đã tiến hành đối chiếu với các văn bản còn lưu trữ tại cơ quan, thấy rằng diện tích đất tranh chấp có địa danh là M, không trùng với diện tích đất đã được giao cho các hộ ông Ngô Văn N và hộ ông Phan Văn V theo sổ bìa xanh về quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1996.

Ủy ban nhân dân huyện L; người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Đình H có ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định. Căn cứ kết quả giải quyết của Tòa án có hiệu lực thi hành, ủy ban nhân dân huyện L sẽ tiến hành chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 27/3/2018 xác định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa 563, tờ bản đồ địa chính số 01 xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích 4427,6m², giá trị đất tranh chấp là 5.000đ/m²; tổng giá trị đất tranh chấp là 22.138.000 đồng.

Đối với tài sản trên đất, căn cứ biên bản kiểm tra hiện trạng số lượng cây trên thửa đất đang tranh chấp ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã C xác định trên đất tranh chấp có 22 cây thông (trong đó có 03 cây đường kính gốc trên 30cm, 09 cây có đường kính gốc từ 20-30cm, 07 cây có đường kính gốc từ 10- 20cm, 03 cây có đường kính gốc dưới 10cm); 12 cây bạch đàn (trong đó có 04 cây đường kính gốc trên 20cm, 05 cây đường kính gốc từ 10-20cm, 03 cây có đường kính gốc dưới 10cm); 23 cây sồi. Căn cứ đơn giá cây theo biên bản định giá ngày 27/3/2018 thì tổng số cây trên đất trị giá 9.575.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 19/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, quyết định:

Căn cứ vào Áp dụng Điều 38, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158; 169; 175 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 101; Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị T khởi kiện đòi quyền quản lý sử dụng diện tích đất 4.427,6m² thuộc một phần thửa 563, tờ bản đồ địa chính số 01, xã C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BG 489159, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CHO889 ngày 06 tháng 5 năm 2011 cho hộ ông Phan Văn V và đòi quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: 22 cây thông; 12 cây bạch và 23 cây sồi vì không có căn cứ.

(Có sơ họa kèm theo)

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện diện tích đất 964,6m² thuộc một phần thửa số 557, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã C của ông Nguyễn Văn H1 và diện tích đất 2.746m² thuộc một phần thửa 497 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã C của gia đình bà Lộc Thị T do bà Lộc Thị T rút yêu cầu khởi kiện.

Buộc bà Lộc Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía gia đình bà Lộc Thị T phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đối với gia đình bà Nông Thị D.

Chi phí tố tụng: Bà Lộc Thị T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà Lộc Thị T đã nộp đủ số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Về án phí: Bà Lộc Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả bà Lộc Thị T số tiền 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), đã nộp theo biên lai số AA/2012/04786 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 30/11/2018, bà Lộc Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét vụ án một cách khách quan toàn diện và đầy đủ. Công nhận cho bà diện tích 4.427,6m² đất thuộc một phần thửa 563, Tờ bản đồ địa chính số 01 xã C, huyện L (hiện mang tên bà Nông Thị D) và các tài sản trên đất (hiện nay gia đình bà đang quản lý và khai thác) là của gia đình bà, để chính quyền xem xét và cấp lại phân đất này cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Bà Lộc Thị T giữ nguyên kháng cáo và trình bày thống nhất với nội dung đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và nhất trí với trình bày của NBV là người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà.

- Bị đơn là bà Nông Thị D và anh Phan Duy H trình bày thống nhất với nội dung đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và không nhất trí với đề nghị của phía bà T và Hạt kiểm huyện L cũng đã xác định diện tích đất tranh chấp có địa danh M, không trùng với diện tích đã được giao cho các hộ ông N và hộ ông V theo bìa xanh năm 1996. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Anh Ngô Văn S và chị Ngô Thị Hải Y nhất trí với trình bày của bà T.

- Bà La Thị P và bà Linh Thị H trình bày: Các bà không có họ hàng với các đương sự đang tranh chấp đất và cho rằng diện tích đất và cây trồng trên đất tranh chấp mà hiện nay giữa bà T và bà D đang tranh chấp là của gia đình nhà bà T.

- NBV trình bày: Diện tích đất tranh chấp là 4.427,6m² là một phần của thửa 563, Tờ bản đồ địa chính xã C, huyện L thuộc khu đồi M do gia đình bà T quản lý, sử dụng từ năm 1958, trong quá trình sử dụng đất gia đình bà T đã trồng cây như cây sỏ, bạch đàn và năm 1999, gia đình nhà bà T đã xin cây thông của anh Nghiêm Mạnh H (có xác nhận của anh H) và đã trồng trên đất cũng phù hợp với giám định tuổi cây.

Thực tế người tại địa phương đều thừa nhận đất tranh chấp là gia đình nhà bà T quản lý và sử dụng và tại phiên tòa phúc thẩm có bà P, bà H cũng khẳng định đất tranh chấp là của gia đình nhà bà T.

Năm 2008, con của bà T chết gia đình nhà bà T đã an táng trên phần đất tranh chấp gia đình nhà bà D đều biết việc an táng này. Do vậy, càng có căn cứ là đất của nhà ai thì có quyền an táng trên phần đất của nhà đó.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà D trong đó có phần đất tranh chấp nêu trên thì không có Biên bản niêm yết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N không biết chữ nhưng vẫn có chữ ký trong hồ sơ đất giáp ranh.

Bà T kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên cần phải sửa án sơ thẩm. Còn nếu những vấn đề nêu trên chưa làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm và chưa thể khắc phục được ngay thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của nguyên đơn là bà T trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp là 4.427,6m² và cây trồng trên diện tích đất tranh chấp này là một phần của thửa 563, Tờ bản đồ địa chính xã C, huyện L thuộc khu đồi M.

Giữa nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng là của gia đình nhà mình và lời khai của người làm chứng thì một bên thừa nhận của gia đình nguyên đơn, một bên thừa nhận của gia đình bị đơn.

Phía Hạt kiểm lâm huyện L đã tiến hành đối chiếu với các văn bản còn lưu trữ tại cơ quan, thấy rằng diện tích đất tranh chấp có địa danh là M, không trùng với diện tích đất đã được giao cho các hộ ông Ngô Văn N và hộ ông Phan Văn V theo sổ bìa xanh về quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1996.

Đối với ngôi mộ của con nhà bà T năm 2008 an táng tại phần đất tranh chấp, nhưng hiện nay đã dịch chuyển và không nằm trên đất tranh chấp nữa.

Diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phía nhà bà D và chính ông N (chồng bà D) đã ký vào biên bản giáp ranh.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, đơn kháng cáo; qua nghe các bên đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa; nghe quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Lộc Thị T trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là có căn cứ.

[1.2] Tại phiên tòa Ủy ban nhân dân huyện L và Hạt kiểm Lâm vắng mặt. Tuy nhiên, phiên tòa lần trước đã có mặt và phiên tòa này vắng mặt và xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T về diện tích đất 964,6m² thuộc thửa 557, Tờ bản đồ số 01 và diện tích 2.746m² thuộc thửa 497, Tờ bản đồ số 01 thuộc bản đồ địa chính xã C là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bà Lộc Thị T:

[2.1] Về nội dung:

Theo nguyên đơn là bà T trình bày: Diện tích đất tranh chấp 4.427,6m² thuộc một phần thửa đất 563, Tờ bản đồ số 01 và trên đất có cây trồng (bach đàn, sỏ, thông) được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D là của gia đình bà T khai phá từ năm 1958 và gia đình bà T quản lý sử dụng từ năm 1958 đến nay, cụ thể: Cụ D1 (mẹ chồng) có trồng một số cây sỏ, sau đó gia đình có trồng một số cây bạch đàn và năm 1999 gia đình bà trồng 80 cây thông xin của anh H và hiện nay còn lại trên đất tranh chấp 22

cây thông. Năm 2008, thực hiện việc đo đạc để sau này cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà và Đoàn đo đạc tiến hành đo đạc, gia đình bà T không được đi theo, còn chồng là ông N ký vào biên bản ký giáp ranh đất với nhà ông V (chồng bà D), nhưng ông N không biết chữ và chữ ký giáp ranh khác cũng không đúng. Năm 2011, gia đình bà D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có phần diện tích đất nhà bà T đã sử dụng từ trước đây mà gia đình bà T không biết. Năm 2016, anh H (con trai bà D) đi cạo nhựa thông của cây thông gia đình bà T trồng năm 1999 thì gia đình bà T mới biết và có tranh chấp. Việc anh H cạo nhựa thông thì đã lập biên bản ngày 27/8/2016.

Năm 2008, con của bà T chết đã đặt mộ cháu trên đất tranh chấp gia đình nhà bà D đều biết và theo phong tục tại địa phương là khi có người chết thì đặt mộ tại phần đất của nhà mình quản lý.

Ngoài ra, những người làm chứng trong vụ án này làm chứng cho nhà bà T là những người không quen biết đều xác định diện tích đất tranh chấp trên có trồng cây trong đó có cây thông là của gia đình nhà bà T, còn người làm chứng cho bà D xác định diện tích đất và cây tranh chấp là của gia đình bà D nhưng toàn là người thân, việc này bà D thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn là bà D và gia đình bà D trình bày: Diện tích đất tranh chấp của gia đình bà D khai phá từ năm 1958, gia đình bà D trồng cây sớ, cây bạch đàn và năm 1998, trồng cây thông. Năm 2008, chính quyền đo đạc đại trà để sau này cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 thì chính ông N đã ký vào biên bản giáp ranh và việc anh H (con bà D) khai thác nhựa thông là cây của gia đình nhà bà D trồng. Cũng như việc Hạt kiểm lâm huyện L xác định diện tích đất tranh chấp không liên quan đến diện tích đất theo bìa xanh năm 1996.

Đối với những người làm chứng bà D cho rằng do gia đình bà T chèn ép nên gia đình nhà bà D chỉ có những người thân làm chứng xác nhận diện tích đất, cây trồng trên đất là của nhà bà D.

Theo Hạt kiểm lâm huyện L xác định: Diện tích đất tranh chấp không thuộc diện tích đất được giao cho các đương sự theo bản đồ năm 1996 (có xác nhận của hạt kiểm lâm L).

[2.2] Thấy rằng, diện tích đất tranh chấp 4.427,6m² là một phần thửa 563 và cây trồng trên đất là giáp ranh giữa thửa đất nhà bà T và bà D. Các đương sự đều cho rằng diện tích đất và cây trồng trên đất là của gia đình nhà mình khai phá từ năm 1958 và sử dụng trồng cây trên đất.

[2.3] Phía bà T cho rằng cây thông trồng trên đất tranh chấp là xin của anh H2 (có xác nhận của anh H2), còn phía bà D cho rằng cây thông là của gia đình bà D trồng nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[2.4] Các đương sự đều có người làm chứng xác nhận về phần đất và cây trồng trên đất tranh chấp là của mình. Người làm chứng cho phía bà T là những người không họ hàng thân quen với nhà bà T. Còn người làm chứng cho phía bà D là những người thân quen.

[2.5] Năm 2008, con bà T chết và đã chôn cất tại phần diện tích đất tranh chấp với gia đình bà D và bà T cho rằng bà D biết cũng không có ý kiến gì và

theo phong tục tại địa phương thì người chết đều đặt trên phần đất của gia đình nhà mình.

[2.6] Ngày 27/8/2016, thời điểm chưa có tranh chấp, anh H là con bà D đã cao nhựa thông thì chính quyền thôn đã lập biên bản hiện trường và có ý kiến thể hiện cây thông do phía gia đình ông N, bà T trồng năm 1996. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ và lấy lời khai của những người này có mặt trong việc lập biên bản nêu trên.

[2.7] Tại Biên bản thẩm tra xác minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, gồm có: Ông Tô Văn L - Phó chủ tịch xã, ông Vi Văn Q - Công chức địa chính xã, ông Linh Văn C - Phó thôn N và bà Lương Thị P, Nông Thị M, bà Vi Thị Đ là người cao tuổi xác định diện tích đất, cây tranh chấp là của gia đình nhà bà T, phù hợp với báo cáo ngày 12/10/2017 của UBND xã C.

[2.8] Tại phiên tòa phúc thẩm bà H, bà P cũng cho biết diện tích đất mà trên có trồng cây thông hiện nay hai gia đình đang tranh chấp là của gia đình bà D1 là mẹ chồng bà T.

[2.9] Bà T cho rằng ông N (chồng bà T) không biết chữ thì không thể ký vào biên bản giáp ranh giữa giữa đất nhà bà T và nhà bà D và bản thân ông N cũng không ra thực địa nên không xác định được các vị trí mốc giới để xác định cho đúng được. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh làm rõ vấn đề này.

[2.10] Từ những căn cứ nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ mà chỉ căn cứ vào việc UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp cho gia đình bà D và xác định lời khai của những người làm chứng không đủ căn cứ xác định ai là người quản lý, sử dụng đất mà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là chưa đủ căn cứ. Những vấn đề xác minh làm rõ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không bổ sung tại phiên tòa được. Do đó, cần thiết phải hủy án sơ thẩm để về xác minh làm rõ, để làm căn cứ thì mới bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.11] Do bà T nhất trí với quan điểm của NBV về việc nếu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét nếu có căn cứ phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại thì bà T cũng nhất trí. Do đó, kháng cáo của bà T được chấp nhận.

[2.12] Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[2.13] Về phí phí tố tụng, án phí sơ thẩm được xác định lại, khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

[2.14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bà Lộc Thị T; Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phần bác yêu cầu khởi kiện của bà Lộc Thị T. Giữa nguyên đơn là bà Lộc Thị T với bị đơn là bà Nông Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy

ban nhân dân huyện L, Hạt kiểm lâm huyện L, anh Ngô Văn S, chị Ngô Thị Hải Y, anh Phan Duy H và bà Vi Thị D1.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm bà Lộc Thị T không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Hưng